



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88 /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi là Quy chế thi) như sau:

“2. Mỗi sở GDĐT; mỗi đại học, trường đại học (không thuộc đại học) có trường THPT tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục nâng cao dành cho các môn chuyên trong trường THPT chuyên; trường phổ thông trực thuộc Bộ GDĐT và Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc được đăng ký là một đơn vị dự thi.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 của Quy chế thi như sau:

“a) Trưởng ban là Thứ trưởng Bộ GDĐT hoặc Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ GDĐT; Phó Trưởng ban là lãnh đạo các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ GDĐT; Ủy viên là lãnh đạo một số đơn vị liên quan thuộc Bộ GDĐT và các bộ, ban, ngành liên quan; Thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo thi là công chức, viên chức của các đơn vị liên quan thuộc Bộ GDĐT và các bộ, ban, ngành liên quan;”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 của Quy chế thi như sau:

“1. Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

a) Mỗi sở GDĐT căn cứ số lượng người học cấp THPT tại thời điểm đầu năm học của tỉnh, thành phố để đăng ký số lượng thí sinh tối đa cho đội tuyển mỗi môn thi, cụ thể: từ 300 nghìn người học trở lên là 30 thí sinh; từ 135 nghìn người học đến dưới 300 nghìn người học là 25 thí sinh; từ 100 nghìn người học đến dưới 135 nghìn người học là 20 thí sinh; từ 50 nghìn người học đến dưới 100 nghìn người học là 15 thí sinh; dưới 50 nghìn người học là 10 thí sinh;

b) Mỗi đại học quốc gia được đăng ký tối đa 15 thí sinh cho đội tuyển mỗi môn thi;

c) Các đơn vị dự thi không thuộc điểm a, b khoản này được đăng ký tối đa 10 thí sinh cho đội tuyển mỗi môn thi;

d) Đội tuyển mỗi môn thi của đơn vị có thí sinh đoạt huy chương trong kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực do Bộ GDĐT thành lập đoàn, trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm liền kề tiếp theo, đội tuyển của môn thi đó được đăng ký tăng thêm tối đa 02 thí sinh dự thi so với số lượng thí sinh quy định tại điểm a, b, c khoản này. Mức tăng này chỉ áp dụng cho năm liền kề tiếp theo năm có thí sinh đoạt huy chương, không được bảo lưu hoặc cộng dồn; trường hợp không tiếp tục có thí sinh đoạt huy chương thì số lượng thí sinh dự thi của năm sau đó thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c khoản này.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 18 của Quy chế thi như sau:

“a) Chủ tịch Hội đồng ra đề thi tổ chức bốc thăm các chủ đề hoặc tiêu mục chủ đề theo nội dung thi được quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế thi này để xây dựng cấu trúc đề thi đối với từng môn thi. Tổ trưởng Tổ ra đề thi phối hợp với Tổ Thư ký loại bỏ tất cả thông tin liên quan đến người soạn thảo đề thi đề xuất. Tổ ra đề thi rà soát, phân loại câu hỏi thi trong đề thi đề xuất (gọi tắt là câu hỏi thi đề xuất) theo cấu trúc đề thi. Tổ ra đề thi tổ chức đánh giá từng câu hỏi thi đề xuất, lựa chọn các câu hỏi thi đề xuất đáp ứng yêu cầu làm nguồn tham khảo để soạn thảo đề thi và báo cáo Lãnh đạo Hội đồng bằng văn bản; trường hợp có từ hai câu hỏi thi đề xuất trở lên đã được lựa chọn trong cùng một đơn vị cấu trúc của đề thi thì lựa chọn theo phương thức bốc thăm bằng phiếu. Việc soạn thảo đề thi bảo đảm nguyên tắc biến đổi câu hỏi thi đề xuất và không sử dụng quá một câu hỏi của một người ra đề thi đề xuất. Riêng đối với các môn Ngoại ngữ, việc tham khảo và lựa chọn các câu hỏi thi đề xuất để soạn thảo đề thi từ một người ra đề thi đề xuất không được vượt quá 20% tổng số điểm bài thi;”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 20 của Quy chế thi như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Tổ chức thực hiện các khâu trong quy trình coi thi bảo đảm nghiêm túc, an toàn, đúng Quy chế thi và các văn bản hướng dẫn tổ chức thi. Tổ chức kiểm tra, rà soát các vật dụng, thiết bị điện tử của thí sinh mang theo trước khi vào phòng thi; việc kiểm tra phải được thực hiện với thiết bị dò kim loại;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 4 như sau:

“g) Khi thực hiện nhiệm vụ, các thành viên: không được mang các thiết bị thu phát thông tin; không được làm việc riêng; không được hút thuốc; không được sử dụng đồ uống có cồn. Trong trường hợp cần thiết, chỉ lãnh đạo Hội đồng coi thi được liên hệ bằng điện thoại cố định, có loa ngoài dưới sự giám sát của công an, bảo vệ (phải lập biên bản về địa chỉ và nội dung liên hệ);”

Điều 6. Bổ sung Điều 26a của Quy chế thi như sau:

“Điều 26a. Quản lý, sử dụng hệ thống camera giám sát trong tổ chức thi

1. Tại các phòng thi, khu vực hành lang, phòng bảo quản đề thi, phòng chứa bài thi, phòng làm việc của Hội đồng coi thi phải có hệ thống camera giám sát bảo đảm:

a) Hệ thống camera chỉ được kết nối hữu tuyến (có dây) trong mạng cục bộ (không kết nối Internet) bảo đảm chỉ những người có thẩm quyền mới được phép truy cập. Màn hình hiển thị hình ảnh camera đặt tại phòng làm việc của Hội đồng coi thi;

b) Camera hoạt động ghi hình liên tục trong suốt quá trình tổ chức thi, kể từ khi Hội đồng coi thi bắt đầu làm việc cho đến khi hoàn thành công tác coi thi. Camera phải ghi hình đầy đủ, bao quát toàn bộ quá trình vận chuyển, bàn giao đề thi từ phòng làm việc của Hội đồng coi thi đến các phòng thi; quá trình làm bài của thí sinh; hoàn thành việc đóng gói niêm phong túi bài thi tại Hội đồng coi thi.

2. Quản lý và lưu trữ dữ liệu ghi hình camera

a) Chủ tịch Hội đồng coi thi phân công người quản lý, kiểm tra, theo dõi hệ thống camera; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống camera;

b) Ngay sau khi kết thúc công tác coi thi, đóng gói niêm phong và bàn giao các túi bài thi để gửi về Bộ GDĐT, Hội đồng coi thi thực hiện niêm phong thiết bị lưu trữ dữ liệu (thẻ nhớ/ổ cứng) của hệ thống camera dưới sự chứng kiến và ký niêm phong của Chủ tịch Hội đồng coi thi, người được phân công quản lý hệ thống camera và công an;



c) Thiết bị lưu trữ dữ liệu sau khi niêm phong được bàn giao cho đơn vị tổ chức thi để bảo quản trong thời gian tối thiểu 09 tháng bắt đầu từ thời điểm kết thúc việc coi thi.

3. Dữ liệu camera là căn cứ để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức thi.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 28 của Quy chế thi như sau:

“đ) Tổ chấm thi chịu trách nhiệm chấm thi theo quy định của Điều 30 hoặc Điều 30a Quy chế thi này; phối hợp ghép phách, lên điểm thi; đề xuất phương án xử lý kết quả thi đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 32 và Điều 33 Quy chế thi này, làm cơ sở để Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt; trong trường hợp phát hiện các thí sinh có dấu hiệu chép bài của nhau, Tổ chấm thi lập biên bản và báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng để xem xét và xử lý theo quy định;”

Điều 8. Bổ sung Điều 30a của Quy chế thi như sau:

“Điều 30a. Quy định chấm bài thi, phúc khảo bài thi chấm trên máy tính

1. Quy định chung

a) Toàn bộ quá trình làm việc của Hội đồng chấm thi (kể từ khi cất túi bài thi để quét bài thi) đều phải thực hiện trong khu vực chấm thi có camera giám sát;

b) Hệ thống chấm thi phải bảo đảm: an toàn, bảo mật; lưu trữ được đầy đủ kết quả của từng lần chấm, kết quả sau khi xử lý, lịch sử thao tác, thời gian thực hiện, thông tin của người thực hiện; phải quản lý từng vai trò và nhiệm vụ của tất cả người dùng trên Hệ thống chấm thi, bảo đảm những người dùng chỉ có thể thực hiện theo đúng phân công của Lãnh đạo Hội đồng;

c) Khi thực hiện chấm bài thi trên máy tính, Hội đồng chấm thi không có Tổ làm phách, không thực hiện việc làm phách theo quy định tại Điều 29 của Quy chế thi này. Hệ thống chấm thi sinh phách tự động, ngẫu nhiên cho từng bài thi; việc thực hiện quét bài thi do Tổ Thư ký thực hiện;

d) Giám khảo thực hiện việc chấm trực tiếp trên Hệ thống chấm thi theo Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm và tiêu chí chấm đã được phê duyệt; chấm điểm theo từng câu hỏi, ý hỏi hoặc tiêu chí chấm. Hệ thống chấm thi tự động tính tổng điểm của bài thi trên cơ sở điểm thành phần do giám khảo nhập. Đối với các câu hỏi có đáp án đã xác định, phần mềm thực hiện tự động chấm điểm theo thang điểm quy định;

đ) Mỗi giám khảo được cấp tài khoản để đăng nhập hệ thống và thực hiện chấm thi; các giám khảo có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản và thực hiện đúng các quy định về chấm thi trên hệ thống;

e) Trường hợp phát hiện bài thi có dấu hiệu bất thường hoặc nghi vấn trong quá trình chấm, giám khảo báo cáo Tổ trưởng Tổ chấm thi để xử lý theo quy định;

g) Bài thi môn Tin học được chấm trên máy vi tính bằng phần mềm chấm thi chuyên dụng hoặc được chấm qua kết nối mạng cục bộ/nội bộ trong quá trình tổ chức thi. Đối với bài thi nói các môn Ngoại ngữ, các giám khảo thực hiện chấm trực tiếp trên phần mềm thi nói của các môn Ngoại ngữ. Các mã phách được phần mềm tự mã hóa một cách ngẫu nhiên;

h) Các vấn đề phát sinh khác trong quá trình chấm thi do Chủ tịch Hội đồng chấm thi xem xét, quyết định xử lý.

2. Quét bài thi

a) Hội đồng chấm thi tổ chức quét bài thi bằng hệ thống phần mềm do Bộ GDĐT quy định để tạo bản số hóa của từng bài thi. Việc quét bài thi phải bảo đảm bản số hóa bài thi thể hiện đầy đủ nội dung bài thi, hình ảnh rõ nét, đủ số trang và đúng thứ tự các trang. Trường hợp bản số hóa không bảo đảm chất lượng thì phải thực hiện quét lại bài thi. Phải kiểm tra, đối chiếu số lượng bài thi từng môn của đơn vị đã quét trên hệ thống bảo đảm đúng với số lượng bài thi giấy, số lượng thí sinh dự thi trên phiếu thu bài thi. Các túi bài thi phải được niêm phong ngay sau khi thực hiện quét;

b) Sau khi hoàn thành việc quét bài thi, Tổ Thư ký báo cáo Chủ tịch Hội đồng để thực hiện việc khóa chức năng quét bài, đặt mật khẩu khóa phách.

3. Tổ chức chấm bài thi

a) Tổ chấm thi có trách nhiệm nghiên cứu, thảo luận, thống nhất việc vận dụng Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm và tiêu chí chấm; lập biên bản và trình Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt trước khi tổ chức chấm thi;

b) Sau khi Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm và tiêu chí chấm, Tổ chấm thi thực hiện chấm chung tối thiểu 10 bài thi trên Hệ thống phần mềm chấm thi để thống nhất cách chấm trước khi tổ chức chấm chính thức;

c) Việc chấm chung được thực hiện trên bản số hóa của bài thi. Kết quả chấm chung được lưu trên Hệ thống chấm thi và lập biên bản chấm chung. Trường hợp sau khi chấm chung cần điều chỉnh Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm hoặc tiêu chí chấm thì Tổ chấm thi báo cáo Chủ tịch Hội đồng chấm thi xem xét, quyết định trước khi tổ chức chấm chính thức. Sau khi hoàn thành công tác chấm chung, Tổ Thư ký in các biên bản được xuất ra từ phần mềm để các giám khảo ký xác nhận;

d) Sau khi hoàn thành công tác chấm chung, Tổ trưởng Tổ chấm thi thực hiện phân công giám khảo chấm thi theo phân môn và gửi bản phân công cho Hội đồng chấm thi. Căn cứ phân công, Hệ thống chấm thi tự động phân công ngẫu nhiên bài

thi theo mã phách điện tử cho các giám khảo chấm thi độc lập. Người chấm chỉ được phép truy cập các bài thi được phân công chấm và không được biết thông tin của thí sinh hoặc kết quả chấm thi của người chấm khác;

đ) Việc chấm thi phải bảo đảm sự chính xác, công bằng, khách quan, đánh giá đúng kết quả bài làm của thí sinh; chấm điểm bài thi phải theo đúng thang điểm đã được Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt; điểm của một câu trong bài thi là tổng các điểm thành phần của câu; điểm của bài thi là tổng điểm của các câu trong bài thi, không làm tròn.

4. Chấm bài thi kỳ thi chọn đội tuyển Olympic:

a) Thực hiện chấm chung toàn bộ các bài thi môn Toán, Vật lí, Hóa học và Sinh học;

b) Thực hiện chấm trực tiếp ngay trong quá trình tổ chức thi thông qua kết nối mạng cục bộ/nội bộ đối với bài thi môn Tin học.

5. Xử lý kết quả chấm thi

Sau khi các giám khảo hoàn thành việc chấm theo phân công, Hệ thống phần mềm chấm thi tự động đối sánh kết quả chấm theo từng câu hỏi hoặc bài thi.

a) Trường hợp kết quả chấm của các giám khảo thống nhất ở tất cả các câu hỏi của bài thi thì Hệ thống phần mềm ghi nhận kết quả chấm;

b) Đối với tổng điểm bài thi hoặc câu hỏi có chênh lệch điểm thì xử lý chênh lệch điểm như sau:

Tình huống	Cách xử lý
Nếu điểm giữa hai lần chấm lệch nhau không vượt quá 5% so với mức tối đa của thang điểm chấm thi đối với bài thi các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học (gọi tắt là các môn Khoa học Tự nhiên) và không vượt quá 10% so với mức tối đa của thang điểm chấm thi đối với bài thi các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (gọi tắt là các môn Khoa học Xã hội) và các môn Ngoại ngữ.	Các giám khảo đã chấm bài thảo luận để thống nhất điểm; trường hợp không thống nhất được điểm, các giám khảo báo cáo Tổ trưởng để cùng thảo luận, thống nhất điểm.
Nếu điểm giữa hai lần chấm lệch nhau trong khoảng trên 5% và không vượt quá 10% so với mức tối đa của thang điểm chấm thi đối với bài thi các môn Khoa học Tự nhiên và trong khoảng trên 10% và không vượt quá 15% so với mức tối đa của thang điểm chấm thi đối với bài thi các môn Khoa học Xã hội và các môn Ngoại ngữ.	Các giám khảo đã chấm bài báo cáo Tổ trưởng để cùng thảo luận, thống nhất điểm.
Nếu điểm giữa hai lần chấm lệch nhau trên 10% so với mức tối đa của thang điểm chấm thi đối với bài thi các môn Khoa học Tự nhiên và trên 15% so với mức tối đa của thang điểm chấm thi đối với bài thi các môn Khoa học Xã hội và Ngoại ngữ.	Tổ trưởng có thể yêu cầu toàn Tổ chấm thi chấm chung bài thi hoặc yêu cầu giám khảo thứ ba chấm lại bài thi, sau đó Tổ trưởng và ba giám khảo đã chấm bài thảo luận, thống nhất điểm.

c) Sau khi Tổ chấm thi hoàn thành việc thống nhất điểm các bài thi, Tổ Thư ký in các biên bản được xuất ra từ phần mềm để cho các giám khảo ký xác nhận.

6. Ghép phách, lên điểm, bảo quản bài thi và dữ liệu chấm thi: Sau khi hoàn thành việc xử lý kết quả chấm thi của môn thi nào thì thực hiện tổng hợp kết quả, xác định điểm chính thức của bài thi, xếp giải và khóa dữ liệu điểm. Chủ tịch Hội đồng chấm thi nhập mật khẩu khóa phách để thực hiện việc ghép điểm.

7. Phúc khảo bài thi chấm trên máy tính

a) Tổ Thư ký Hội đồng phúc khảo cập nhật danh sách thí sinh đề nghị phúc khảo vào phần mềm chấm thi; hệ thống tự động trích xuất và sinh phách các bài thi của thí sinh đề nghị phúc khảo;

b) Việc chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo hình thức chấm chung. Người chấm phúc khảo thực hiện chấm bài thi trên máy tính theo quy trình chấm phúc khảo. Tổ chấm thi thực hiện tổng hợp kết quả bài chấm phúc khảo và đối chiếu với kết quả chấm trước đó để xác định kết quả cuối cùng theo quy định. Bài thi chỉ được xem xét thay đổi điểm khi kết quả chấm phúc khảo và kết quả chấm thi có sự chênh lệch từ 5% trở lên so với mức tối đa của thang điểm chấm thi. Tất cả những trường hợp bài thi có thay đổi điểm đều phải đối chiếu, kiểm tra với bài thi giấy và thực hiện đối thoại với người chấm lượt đi để thống nhất kết quả bài thi; trường hợp không thống nhất được thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng phúc khảo để xử lý theo thẩm quyền;

c) Kết thúc việc phúc khảo, Hội đồng phúc khảo lập biên bản tổng hợp, có chữ ký của lãnh đạo Hội đồng phúc khảo và tất cả các thành viên, Tổ Giám sát.

8. Bảo quản bài thi, dữ liệu chấm thi tại Hội đồng chấm thi:

a) Cục trưởng Cục QLCL chịu trách nhiệm về bảo quản bài thi và các hồ sơ thi từ lúc tiếp nhận bài thi của các Hội đồng coi thi đến khi Hội đồng chấm thi làm việc;

b) Chủ tịch Hội đồng chấm thi chịu trách nhiệm về bảo quản bài thi, dữ liệu chấm thi và các hồ sơ thi trong thời gian Hội đồng chấm thi làm việc. Các thùng, tủ đựng bài thi, dữ liệu chấm thi và hồ sơ thi phải được khóa và niêm phong, được bảo vệ 24 giờ/ngày;

c) Phải thực hiện đúng các quy định về việc niêm phong, mở niêm phong, giao nhận bài thi, hồ sơ thi, trực bảo vệ;

d) Sau khi kết thúc việc chấm thi, Hội đồng chấm thi có trách nhiệm bàn giao bài thi, dữ liệu chấm thi và các hồ sơ thi cho Cục QLCL để bảo quản lưu trữ theo quy định.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 của Quy chế thi như sau:

“Điều 31. Phúc khảo bài thi

1. Sau khi công bố kết quả thi, thí sinh có nguyện vọng xem xét lại kết quả thi, đăng ký phúc khảo tại đơn vị dự thi.

2. Đơn vị dự thi có trách nhiệm tổng hợp danh sách thí sinh phúc khảo và gửi về Bộ GDĐT (qua Cục QLCL) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi để tổ chức phúc khảo.

3. Bộ trưởng Bộ GDĐT thành lập Hội đồng phúc khảo; thành phần Hội đồng phúc khảo thực hiện tương tự như Hội đồng chấm thi; giám khảo của Hội đồng chấm thi của kỳ thi không được tham gia Hội đồng phúc khảo. Hội đồng phúc khảo có nhiệm vụ chấm lại và quyết định điểm các bài thi phúc khảo.

4. Rút bài, làm phách mới:

a) Việc rút bài thi phúc khảo được thực hiện trong khu vực được bảo vệ an toàn, an ninh. Tổ Thư ký Hội đồng phúc khảo tiến hành mở niêm phong túi chứa bài thi giấy và rút các bài thi đề nghị phúc khảo; sau khi rút bài thi xong, thực hiện niêm phong lại túi bài thi theo quy định; bên ngoài túi bài thi ghi rõ môn thi, ngày thi, số bài, số tờ;

b) Làm phách bài thi phúc khảo: Việc làm phách thực hiện trong khu vực cách ly; bài thi phúc khảo phải được che khuất phách cũ, đánh phách mới; bài thi sau khi được làm phách mới phải được đựng trong các túi được niêm phong, bên ngoài túi ghi rõ môn thi, ngày thi, số bài, số tờ. Riêng đối với việc phúc khảo bài thi đã chấm trên máy tính thì hệ thống phần mềm tự sinh phách cho việc phúc khảo;

c) Đối với môn Tin học, sau khi kiểm đếm bài làm thí sinh đã in ra giấy, đĩa CD thì sắp xếp theo mã của đơn vị và bàn giao cho Hội đồng phúc khảo thực hiện chấm thi tự động trên máy vi tính.

5. Chấm phúc khảo:

a) Tổ chấm phúc khảo sử dụng Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm đã được sử dụng trong quá trình chấm thi. Việc chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo hình thức chấm chung. Trước khi phúc khảo phải kiểm tra kỹ từng bài thi, bảo đảm đủ số phách, số tờ giấy thi. Việc phúc khảo đối với bài thi đã chấm trên máy tính được thực hiện theo khoản 7 Điều 30a của Quy chế thi này;

b) Bài thi chỉ được xem xét thay đổi điểm khi kết quả chấm phúc khảo và kết quả chấm thi có sự chênh lệch từ 5% trở lên so với mức tối đa của thang điểm chấm thi. Tất cả các trường hợp được thay đổi điểm khi phúc khảo đều phải có sự thống nhất của Tổ chấm phúc khảo và đại diện của Tổ chấm thi;

c) Các Tổ chấm phúc khảo tổng hợp kết quả phúc khảo, trình Chủ tịch Hội đồng phúc khảo phê duyệt và báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo thi. Kết quả phúc khảo được công bố chậm nhất sau 20 ngày, kể từ ngày hết hạn nhận danh sách phúc khảo.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 34 của Quy chế thi như sau:

“2. Căn cứ kết quả của kỳ thi, Cục trưởng Cục QLCL cấp Giấy chứng nhận cho thí sinh. Giấy chứng nhận chỉ được cấp một lần dưới dạng bản điện tử.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 42 của Quy chế thi như sau:

“5. Hủy bỏ kết quả thi đối với những thí sinh: Viết, vẽ vào tờ giấy thi những nội dung không liên quan đến bài thi; để người khác thi thay hoặc làm bài thay cho người khác dưới mọi hình thức; sửa chữa, thêm bớt vào bài làm sau khi đã nộp bài; dùng bài của người khác để nộp; trường hợp có hành vi chép bài của nhau đã được xác minh, kết luận theo quy định tại Điều 28 của Quy chế thi này; qua xác minh đơn thư phản ánh và các quy định khác có liên quan.”

Điều 12. Bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 43 của Quy chế thi như sau:

“4. Quyết định về việc xử lý kỷ luật thí sinh đối với các trường hợp được phát hiện vi phạm sau khi kết thúc quá trình coi thi.

5. Thành lập Tổ công tác để xác minh, làm rõ và xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có) sau khi công bố kết quả Kỳ thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế và khu vực.

6. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra, xác minh công tác tuyển chọn học sinh vào đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia của các đơn vị. Trường hợp phát hiện sai sót, yêu cầu đơn vị tổ chức rà soát, chấm lại, tuyển chọn lại hoặc thực hiện các biện pháp khắc phục khác theo thẩm quyền; báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GDĐT.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 45 của Quy chế thi như sau:

“4. Ban hành quy định về công tác tuyển chọn học sinh vào đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia của đơn vị bảo đảm công bằng, khách quan và nghiêm túc; chịu trách nhiệm toàn diện về công tác tuyển chọn đội tuyển và các nội dung liên quan trước, trong và sau kỳ thi; thực hiện giải trình về công tác tuyển chọn khi có yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả cuối cùng của kỳ thi chọn học sinh vào đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia của đơn vị, gửi thông tin toàn bộ quá trình tổ chức tuyển chọn, kết quả thi (dữ liệu và danh sách điểm thi) của tất cả thí sinh về Bộ GDĐT (qua Cục QLCL).”

Điều 14. Bãi bỏ Phụ lục số lượng thí sinh tối đa cho đội tuyển của mỗi môn thi được ban hành kèm theo Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Hiệu trưởng các trường phổ thông chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố;
- Cục KTVB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Như Điều 15;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thưởng